

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2018/HS-PT.**

Ngày: 09 -8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/TLPT-HS, ngày 20/6/2018 đối với bị cáo Nguyễn Duy T do có kháng cáo của bị cáo, bị hại Công ty C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST, ngày 09-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/HSPT-QĐ, ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Duy T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 109, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lái tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M; có vợ và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05 tháng 05 năm 2015 cho đến ngày 10-9-2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đình Khả, sinh năm 1959 – Là luật sư của Văn phòng luật sư Tây Sơn; Địa chỉ: Số 38/2A1 đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Đăng Hữu, sinh năm 1985 – là luật sư của văn phòng luật sư Vạn Lý; Địa chỉ: Số 58C, đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, thuộc đoàn luật sư TP. Cần Thơ. (Có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Công ty C.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty C là ông Phạm Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số A, Q, khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh S. (Có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:*

Người bị hại: Ông Võ Hoàng K- Chủ doanh nghiệp tư nhân K. Địa chỉ: Số A đường Đ, khóm 1, phường 2, thành phố B, tỉnh B (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh V.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp 4, xã C, huyện L, tỉnh S. (Vắng mặt)

2. Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: đường 30/4, khu vực 4, p5, thành phố V, tỉnh H. (Có mặt)

3. Ông Phan Trí T2, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T. (Vắng mặt)

5. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S. (Vắng mặt)

6. Ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh S. (Có mặt)

7. Ông Lê Văn L, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 20 ấp S, xã T, huyện L, tỉnh S. (Vắng mặt)

8. Ông Phạm Huy N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 731 Q, k3, p2, thành phố S, tỉnh S. (Vắng mặt)

9. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số 59 ấp S, xã T, huyện L, tỉnh S. (Vắng mặt)

10. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 59 ấp S, xã T, huyện L, tỉnh S. (Vắng mặt)

11. Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S. (Có mặt)

12. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Khu vực 6, Phường H, thị xã N, tỉnh H. (Có mặt).

13. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số 843/2/34 đường P, khóm 7, phường 8, TP. S, tỉnh S. (Có mặt)

14. Ông Võ Văn H2 (T5), sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp 2, xã V, huyện C, tỉnh L. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29-6-2011, Nguyễn Duy T điều khiển tàu tự hành số VL-12718 lưu thông trên sông Tân Thạnh theo hướng từ Đại Ngãi về thành phố Sóc Trăng. Khi tàu tự hành còn cách cầu Tân Thạnh khoảng 500m, T phát hiện phía trước khoảng 100m có một tàu lai đẩy mang số BL-2977 đẩy xà lan mang biển số BL-3095 đi cùng chiều, T điều khiển tàu tự hành vượt lên tàu lai đẩy trong đoạn sông cấm vượt, khi tàu tự hành vượt lên tàu lai đẩy được 2/3 thân tàu, thì mũi xà lan bị lực đẩy của nước đi chệch vào bờ bên phải của hướng đi nên Nguyễn Văn H mới tăng ga tàu lai đẩy để lấy mũi xà lan lại, lúc này tàu tự hành và tàu lai đẩy đi song song với nhau được khoảng 100m, khi đến phao tiêu màu xanh bên trái của hướng đi thì phần đuôi tàu lai đẩy và tàu tự hành chập vào nhau, còn mũi xà lan vẫn đi chệch vào bờ bên phải. Lúc này, H mới giảm ga thì phần đuôi tàu lai đẩy máng lên phích thứ 2 của tàu tự hành, làm cho tàu lai đẩy không còn điều khiển được xà lan nên xà lan đụng vào cột giàn cầu của Công ty C, làm chân cột giàn cầu bị gãy và bộ phận trục đường ray bị hư hỏng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 18-8-2014 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết luận:

- Tàu lai đẩy biển số BL-2977 phần vỏ thân tàu: Giá trị sử dụng còn lại 202.000.000đ, tương ứng 78%, tỉ lệ thiệt hại là 11%, tương ứng: 23.134.500đ (Thống nhất theo kết quả Chứng thư thẩm định – Giám định của Công ty Cổ phần thẩm định – Giám định Cửu Long)

- Kết cấu giàn cầu trục sân mía của Công ty C, giá trị còn lại đến thời điểm tháng 6-2011 là 811.164.092đ, tương ứng 21%, tỉ lệ thiệt hại là 20% thành tiền là 160.782.000đ (Thống nhất theo kết quả Chứng thư thẩm định – Giám định của Công ty Cổ phần thẩm định – Giám định Cửu Long)

Tại bản án số 33/2018/HS-ST, ngày 09 -5- 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử như sau:

- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 212; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 05-5-2015 đến ngày 10-9-2015.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Do người bị hại là ông Võ Hoàng K – Chủ doanh nghiệp tư nhân K yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy T bồi thường chi phí sửa chữa với số tiền là 23.134.500đ, bị cáo đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy T liên đới cùng với ông Nguyễn Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường thiệt hại cho Công ty C là bị hại với số tiền là 160.782.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2018, bị cáo Nguyễn Duy T có đơn kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Ngày 21/5/2018 bị hại Công ty C kháng cáo phần trách nhiệm dân sự yêu cầu buộc bị cáo Nguyễn Duy T cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị M liên đới bồi thường chi phí sửa chữa cột dầm cầu 1.164.446.000đ, điều tiết giao thông 195.000.000đ, mua đường ray, gia công rệp ray 26.750.000đ, thẩm định dự án 1.920.909đ; chi phí tài liệu 406.000đ; và lãi vay 654.766.717đ. Tổng cộng 2.043.289.626đ.

- Ngày 08/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kháng nghị số 10/QĐ-VKSST, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 33/2018/HS-ST, ngày 09-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng phần trách nhiệm dân sự theo quy định khoản 3 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Trần Đình Khả phát biểu quan điểm: Trước đây trong quá trình điều tra đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo nhận tội, do xử phạt bị cáo tù giam cho nên bị cáo kháng cáo kêu oan, nếu xử bị cáo án treo thì bị cáo sẽ không kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay xuất hiện người làm chứng ông H1, ông Th là tình tiết mới phát sinh. Người làm chứng ông H1 xác định có thấy bị cáo T tại vựa cát Mỹ Châu khoảng 7 giờ 30 phút đến 09 giờ ngày 29/6/2011; ông Th trình bày sau khi sự việc xảy ra vài ngày T3 có đàu xà lan dưới bến sông nhà ông và T3 có T3 sự là khi tai nạn xảy ra T không có mặt trên Xà lan. Kết hợp với lời trình bày của ông H1 là chú của bị cáo là T có đến nhà ông tại Phụng Hiệp, Hậu Giang khoảng thời gian từ 09 đến 11 giờ ngày 29/6/2011. Từ đó khẳng định T không có mặt trên Xà lan lúc xảy ra tai nạn, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T không phạm tội, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường thêm chi phí phân luồng giao thông để sửa chữa cầu trục số tiền 39.000.000đ; đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M đồng ý liên đới cùng ông Nguyễn Văn B và bị cáo bồi thường cho Công ty C.

- Luật sư Phan Đăng Hữu trình bày quan điểm và đề nghị: Hoàn toàn đồng tình với phát biểu của luật Khả.

Kết luận điều tra quy kết bị cáo phạm tội là chưa đúng, trong suốt quá trình điều tra, điều tra bổ sung không ghi nhận được lời trình bày của ông T. Ông H điều khiển xà lan không có giấy phép tại sao không làm rõ, kết luận điều tra bị cáo vượt tại vị trí nào, xác định không đúng về lỗi, hành vi tăng tốc của ông H là vượt sao không xem xét; hiện trường mặt sông rộng 100m, mỗi bên 50m, Công ty C xây cầu trực lần sông 12m sao không xem xét, tại phiên tòa hôm nay lời khai của T hoàn toàn mới là có gặp T tại vựa cát Mỹ Châu, T đi xe máy đặc điểm ra sao chưa làm rõ, các bị hại đâu có yêu cầu xử lý về hình sự. Như vậy, cần xem xét tàu của ông H có lỗi hay không, không có bằng lái tàu sao không xem xét? Sao không truy cứu trách nhiệm hình sự ông H? Bị cáo T lên bờ xe mô tô chạy đi đâu, xe này ở đâu có? Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Duy T; chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty mía đường, chấp nhận một phần kháng nghị về chi phí phân luồng giao thông để sửa chữa cầu trực, mà tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường thêm 39.000.000đ và ghi nhận sự tự nguyện của bà M đồng ý liên đới cùng với ông B và bị cáo T bồi thường cho Công ty C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại Công ty C được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng vào ngày 16, 21/5/2018 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08/6/2018 theo quy định tại Điều 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thì việc kháng cáo của bị cáo, bị hại và Kháng nghị của Viện kiểm sát là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Duy T:

Tại lời khai thừa nhận của Nguyễn Văn H1 tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì ông H1 khai nhận: Ông là chú ruột của bị cáo T, vào khoảng 09 giờ đến 10 giờ ngày 29-6-2011 thì T có đến nhà ông ở thị xã Ngã Bảy chơi khoảng 30 phút thì ở dưới tàu có người điện thoại cho T hay là tàu bị tai nạn nên T bỏ đi về nhưng theo Biên bản vụ tai nạn giao thông lập vào lúc 12 giờ 25 phút ngày 29-6-2011 do Đội cảnh sát giao thông – Công an thành phố Sóc Trăng lập tại hiện trường tai nạn giao thông thì tai nạn xảy ra vào lúc 11 giờ 45 phút nên lời khai của ông H1 có mâu thuẫn về thời gian và lời khai của ông H1 chỉ có sau khi xét xử sơ thẩm lần đầu khi bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Do đó, lời khai của ông H1 là không có căn cứ.

Tại các biên bản ghi lời khai của Lê Ngọc T1 tại cơ quan Điều tra (các BL 168, 169, 510, 511) thì có lúc T1 khai khi xảy ra tai nạn thì có mặt T1 trên tàu và T là người lái xà lan VL-12718, T3 nằm võng chỗ buồng lái cùng với T, còn T2 thì đứng dưới cabin. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm thì T1 lại khai là lúc xảy ra tai nạn trên xà lan chỉ có 03 người gồm T1, T2 và T3. Anh T3 là người lái xà lan, khi sự việc va chạm thì T không có mặt trên tàu vì lúc đó T đang đi Sóc Trăng và T3 điện thoại cho T1 hay sự việc xảy ra. Nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 02-3-2016 bị cáo T lại khai T1 không có mặt trên tàu, T dẫn T1 kêu khai T1 vô để đủ 04 người trên tàu và biên bản đối chất với Phan Chí T2 và Trần Văn T3 thì T1 cũng khai là không có mặt trên tàu, sau khi xảy ra tai nạn thì T1 mới hay. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người làm chứng T1 khẳng định không có mặt trên xà lan khi xảy ra tai nạn, mà sau đó khoảng 15 phút T1 từ Sóc Trăng mới đi xe ôm đến nơi xảy ra tai nạn. Do đó, lời khai của Lê Ngọc T1 có sự mâu thuẫn với nhau, chưa đảm bảo tính khách quan.

Đối với lời khai của Huỳnh Văn K (các BL 178, 179) tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, có lúc K khai sau khi xảy ra tai nạn tàu Vĩnh Long cập vào bờ trên tàu có 02 người, người lái bỏ lên bờ, còn 01 người ở lại cột dây cùng với K, nhưng có lúc K lại khai là lúc xảy ra tai nạn bên tàu Vĩnh Long có ba người, một người ngồi trong cabin, còn hai người chạy ra ngoài buộc dây. Sau khi tai nạn xảy ra, lúc ngồi trong quán thì K nghe một người bên tàu Vĩnh Long nói người chạy xe Honda mới tới là chủ tàu và K nhìn thấy người này với người ngồi trong cabin là khác nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm K khai là nghe anh Nguyễn Văn H nói lại. Do lời khai của ông Huỳnh Văn K trong suốt quá trình tố tụng không thể hiện được ai là người lái tàu và có mâu thuẫn với nhau. Ngoài ra, lời khai của Huỳnh Văn K xác định T không phải là người lái tàu các lời khai nhận này chỉ khai từ khi có bản án sơ thẩm lần thứ nhất và K cũng chỉ nghe nói sau khi xảy ra tai nạn thì chủ tàu chạy xe đến, nhưng cũng không biết ai nói, nên chưa đủ căn cứ khách quan để xem xét.

Đối với lời khai của bị cáo T về việc vào ngày xảy ra tai nạn thì bị cáo có đến vừa cát Mỹ Châu ở sông Định, Phường 9, thành phố Sóc Trăng gặp anh T5 và anh Th1 nhưng trong quá trình điều tra đã xác minh làm rõ. Anh T5 không có ở địa phương, còn anh Th1 vào ngày xảy ra tai nạn T có đến vừa cát hay không thì anh không nhớ. Tại phiên tòa hôm nay anh T5 trình bày có gặp T tại vừa cát Mỹ Châu khoảng 7 giờ 30 phút đến 9 giờ ngày 29/6/2011. Đối chiếu với lời trình bày của ông H1 là chủ của bị cáo khai bị cáo T có mặt tại nhà của ông tại Phụng Hiệp, Hậu Giang (khoảng cách dựa cát Mỹ Châu phường 9 Sóc Trăng so với huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang khoảng 50 km), thì không thể cùng lúc bị cáo có mặt hai nơi có khoảng cách xa như vậy. Do đó, lời khai trên của bị cáo chỉ do bị cáo tự tạo mà không có chứng cứ khác để chứng minh, nên lời khai của bị cáo, lời khai ông T5 là không có cơ sở để xem xét.

Tại các biên bản ghi lời khai Phan Trí T2 và Trần Văn T3, tại cơ quan Điều tra (các BL 170, 171, 182, 183) đều khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29-6-2011, thì T có mặt trên tàu và là người điều khiển tàu tự hành VL-12718 gây tai nạn.

Theo lời khai trước đây của bị cáo Nguyễn Duy T trong quá trình Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06-5-2015 thì bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29-6-2011, bị cáo điều khiển xà lan tự hành biển số VL-12718 lưu

thông trên sông Tân Thạnh theo hướng từ Đại Ngãi về thành phố Sóc Trăng, khi bị cáo điều khiển xà lan tự hành biển số VL-12718 vượt lên xà lan biển số BL-3095 thuộc đoạn sông cấm vượt được hơn 2/3 (hai phần ba) thân xà lan thì xà lan tự hành biển số VL-12718 do bị cáo điều khiển và tàu lai đẩy biển số BL-2977 đụng vào nhau làm cho mũi xà lan biển số BL-3095 đụng vào cột giàn cầu của Công ty C, làm chân cột giàn cầu bị gãy và bộ phận trục đường ray bị hư hỏng nặng. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 02-3-2016 thì bị cáo khai sau khi xảy ra tai nạn có dặn khai Lê Ngọc T1 vô đề đủ 04 người trên xà lan.

Xét lời khai ban đầu trong quá trình Điều tra cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06-5-2015 (các BL 503, 504, 505, 506) của bị cáo Nguyễn Duy T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không có mâu thuẫn, hoàn toàn phù hợp với lời khai của Phan Trí T2, Trần Văn T3 và Lê Ngọc T1. Ngoài ra, khi tiến hành lấy lời khai thì bị cáo đều được giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo là người có trình độ học vấn 12/12, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã có luật sư bào chữa nên việc bị cáo cho rằng lúc trước bị cáo nhận bị cáo là người điều khiển xà lan là do bị cáo là chủ xà lan và vụ việc tai nạn chỉ xử phạt hành chính, giải quyết trách nhiệm dân sự chứ không nghĩ đến trách nhiệm hình sự là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bị cáo Nguyễn Duy T là người có mặt trên xà lan tự hành vào ngày 29 tháng 6 năm 2011 và là người điều khiển xà lan tự hành biển số VL-12718 gây tai nạn.

Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T đã điều khiển phương tiện giao thông đường thủy vượt tàu khác không đảm bảo an toàn, vượt tàu khác trong vùng cấm vượt, khi chưa được cấp giấy phép, bằng, chứng chỉ lái tàu theo quy định của pháp luật, đã vi phạm vào Khoản 6 Điều 8; điểm a Khoản 2 Điều 42 của Luật giao thông đường thủy gây thiệt hại về tài sản tổng cộng là 183.916.500đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 212 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Duy T.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Công ty C:

Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là Công ty C về việc yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy T cùng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M liên đới bồi thường tiền chi phí sửa chữa thực tế là 1.388.522.909đ và tiền lãi vay của Ngân hàng tính đến 05-01-2015 là 654.766.717đ, tổng cộng là 2.043.289.626đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đồng ý cùng với ông Nguyễn Văn B và bị cáo T liên đới bồi thường cho Công ty C. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà Nguyễn Thị M.

Xét yêu cầu của bị hại là Công ty C về việc buộc bị cáo cùng với ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M liên đới bồi thường thiệt hại với tiền là 2.043.289.626đ

là không có cơ sở, vì theo Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 18-8-2014 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thì kết cấu giàn cầu trục sân mía của Công ty C, giá trị còn lại đến thời điểm tháng 6-2011 là 811.164.092đ, tương ứng 21%, tỉ lệ thiệt hại là 20% thành tiền là 160.782.000đ. Cụ thể: Tại bút lục số 355, 356, Phụ lục 2 (Kèm báo cáo giám định số 110057/GĐ) của Công ty cổ phần Thẩm Định – Giám Định Cửu Long chi phí khắc phục và sửa chữa cầu trục sân mía đã chiết tính các khoản: chi phí vật liệu 81.254.285đ, chi phí nhân công 39.223.235đ, chi phí máy thi công 5.774.978đ, chi phí trực tiếp khác 3.156.312đ, chi phí chung 7.764.529đ, thu nhập chịu thuế tính trước 7.544.534đ, thuế giá trị gia tăng 14.471.787đ, chi phí xây dựng nhà tạm 1.591.897đ. Tổng cộng 160.781.557đ và đã làm tròn là 160.782.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho Công ty C số tiền là 160.782.000đ.

Như vậy, các khoản chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại cầu trục sân mía của Công ty C đã được Công ty cổ phần Thẩm định- giám định Cửu Long chiết tính đúng và đầy đủ. Do vậy, không có cơ sở nào để chấp nhận kháng cáo của Công ty C.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Duy T đồng ý bồi thường thêm số tiền 39.000.000đ chi phí phân luồng giao thông để sửa chữa cầu trục cho Công ty C. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay phía đại diện cho Công ty C không đồng ý nhận số tiền này, mà yêu cầu bị cáo và những người liên quan bồi thường số tiền nhiều hơn, nhưng xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo, buộc bị cáo cùng với ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M liên đới bồi thường cho Công ty C tổng cộng là 199.782.000đ (gồm: thiệt hại 160.782.000đ + 39.000.000đ chi phí phân luồng giao thông khi sửa chữa) là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty C về chi phí phân luồng giao thông để sửa chữa cầu trục.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Như phân tích nêu trên tại mục [3], Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Xét lời trình bày và đề nghị của các vị luật sư Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm chi phí phân luồng giao thông để sửa chữa cầu trục, ghi nhận sự tự nguyện đồng ý liên đới bồi thường cho Công ty C của bà Nguyễn Thị M.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Công ty C không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thêm của bị cáo Nguyễn Duy T, tự nguyện chịu liên đới bồi thường của bà Nguyễn Thị M, cho nên án phí dân sự sơ thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của quyết định Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong quyết định này đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 355; Điểm b Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Duy T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty C.

Chấp nhận một phần kháng nghị số 10/QĐ-VKSST, ngày 08/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 09-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 212; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 05-5-2015 đến ngày 10-9-2015.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy T liên đới cùng với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường cho Công ty C tổng cộng số tiền là 199.782.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng) (gồm: Thiệt hại 160.782.000đ + chi phí phân luồng giao thông 39.000.000đ).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Duy T, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M liên đới chịu 9.989.000 đồng (đã làm tròn số).

II. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Bị hại Công ty C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

III. Các phần khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không ghi trong quyết định này đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND TP. Sóc Trăng (2);
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra - Công an TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng
- Trại tạm giam
- Bị cáo; Bị hại; NCLQ;
- PKTNNVTHA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Dũ